TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-05-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lương Minh Suốt**

2. Ông **Lê Minh Trí**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Trần Văn Dũng -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Khải** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 59/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thanh Kim Th**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 23, ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn xin vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Ch,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 23, ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2019 và biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn chị Võ Thanh Kim Th trình bày: Chị Th và anh Ch xây dựng hôn nhân vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01 ngày 27/12/2004. Trong quá trình chung sống, chị Th và anh Ch có hai người con chung tên Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 15/6/2004 và Nguyễn Thị Mộng Tr, sinh ngày 01/3/2006. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Anh N và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr đang sống chung với chị Th. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Trong thời gian chung sống, giữa chị Th và anh Ch thường xuyên phát mâu thuẫn, cãi vả với nhau do chị Th và anh Ch tính tình không hòa hợp, quan điểm sống không tương đồng. Nguyên nhân chính là do anh Ch thường xuyên ăn chơi, rượu chè, cờ bạc. Hơn nữa, anh Ch có người phụ nữ khác ở ngoài nên anh không quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc nên giữa chị Th và anh Ch đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh Ch. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thị Anh N, và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr đến tuổi trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị Th không còn yêu cầu nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th thì anh Ch đã được Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh Ch đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ch không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh Ch đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th mà chỉ có cung cấp cho Tòa án đơn xin vắng mặt đề ngày 03/4/2019. Trong đơn xin vắng mặt của anh Ch có thể hiện đồng ý ly hôn với chị Th và đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 15/6/2004 và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr, sinh ngày 01/3/2006 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng và anh Ch không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Về hôn nhân, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Th và anh Ch. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị Th và anh Ch, giao cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 15/6/2004 và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr, sinh ngày 01/3/2006 cho

chị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu; anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Th phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thanh Kim Th khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Ch và hiện nay anh Ch cư trú tại ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Ch đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ch có đơn yêu cầu vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Ch đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Ch có đơn yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn văn Ch.

[2] Về nội dung: Chị Th và anh Ch xây dựng hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 ngày 27/12/2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Th và anh Ch sống hạnh phúc được trên mười năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh Ch thiếu quan tâm đến gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến cuộc sống của vợ chồng thường xuyên cải vã với nhau, do bất hòa trong cuộc sống, thể hiện thiếu trách nhiệm trong xây dựng hạnh phúc gia đình,thiếu quan tâm, chia sẽ, chăm sóc lẫn nhau để có mái ấm gia đình thật sự hạnh phúc và tiến bộ. Chính từ những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình mà vợ chồng không có biện pháp khắc phục để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến vợ chồng không còn tiếp tục sống chung với nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Nay chị Th, anh Ch cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên hai người đều đồng ý ly hôn với nhau . Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị chị Võ Thanh kim Th và anh Nguyễn Văn Ch.

[4] Về con chung, Sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 15/6/2004 và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr, sinh ngày 01/3/2006 đến tuổi trưởng thành. Anh Ch đồng ý giao hai con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Anh N và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr, tại biên bản lấy lời khai ngày

17/4/2019, các cháu có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là chị Th, khi chị Th và anh Ch ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con giữa chị Th và anh Ch là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật và đúng nguyện vọng của cháu Anh N và cháu Mộng Tr, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của Chị Th và anh Ch. Giao cho chị Võ Thanh kim Th được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 15/6/2004 và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr, sinh ngày 01/3/2006 đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thanh Kim Th không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ch phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Ch xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Võ Thanh Kim Th phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

[8] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thanh Kim Th và anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa chị Võ Thanh Kim Th và anh Nguyễn Văn Ch. Giao cháu Nguyễn Thị Anh N, sinh ngày 15/6/2004 và cháu Nguyễn Thị Mộng Tr, sinh ngày 01/3/2006 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thanh Kim Th không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ch phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Võ Thanh Kim Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Võ Thanh Kim Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005463 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niên yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự Phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út